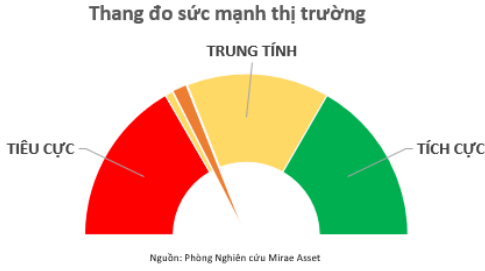


23 Tháng Ba 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)



## Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,183.45	-0.92	0.49	77.54
HNX	272.34	-0.91	14.06	182.34
UPCOM	81.14	-0.16	6.11	70.58
MSCI EM	1,336.27	-0.04	-4.43	76.24
NIKKEI	28,995.92	-0.61	-3.85	71.70
HANG SENG	28,515.36	-1.28	-6.91	31.43
KOSPI	3,004.74	-1.01	-2.13	102.69
FTSE	6,726.10	0.26	1.51	34.69
S&P 500	3,940.59	0.70	1.53	76.12
NASDAQ	13,377.54	1.23	-0.65	94.99

## Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.24	2.48	13.69
SET INDEX	36.50	1.72	4.34
JCI INDEX	33.19	1.62	4.14
PCOMP INDEX	28.94	1.58	6.15

## Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.10	-1	5	-109
10 năm	2.42	-2	15	-68

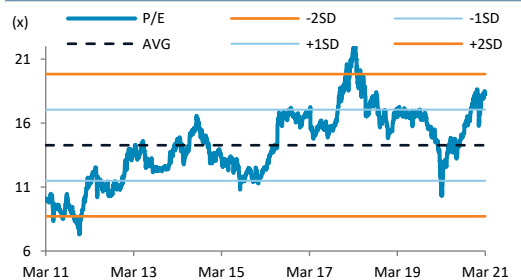
## Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,077	-0.04	-0.22	2.06
US\$/KRW	1,130	-0.11	-1.70	12.14
US\$/JPY	109	0.09	-3.22	2.28
US\$/EUR	0.84	0.26	2.09	-9.90
US\$/GBP	0.72	0.25	2.06	-16.51
US\$/SGD	1.34	-0.02	-1.60	8.89

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	591	597	324
HNX	83	96	40
UPCOM	48	47	20

## Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



## Nhận định thị trường

### Sắc đỏ bao trùm.

Sau vài phiên giao dịch mang tính giằng co vừa qua, VN-Index xuất hiện phiên điều chỉnh giảm đáng kể đầu tiên hôm nay. Mở đầu phiên trong sắc đỏ với xu hướng giảm xuyên suốt thời gian giao dịch, có thời điểm VN-Index giảm hơn 15 điểm. Tuy nhiên đến cuối phiên, VN-Index phục hồi nhẹ so với đáy trong ngày, đóng cửa tại 1.183,4 điểm, giảm 10,9 điểm, tương ứng -0,9% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.415 tỷ đồng, HNX: 2.749 tỷ đồng, UPCOM: 1.194 tỷ đồng.

Nhìn chung đây là phiên giảm điểm chung của VN-Index, không có nhóm cổ phiếu nào thực sự nổi trội ngược dòng thị trường ngoại trừ một số cổ phiếu mang tính đầu cơ. Nhóm VN-30 bao trùm bởi sắc đỏ, ngoại trừ FPT, GAS, PDR, PLX duy trì điểm xanh tích cực.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng xấp xỉ 267 tỷ đồng, tiếp tục vẫn là các mã blue-chip bị bán mạnh như VNM, CTG, VCB.

Phiên giao dịch giảm điểm khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index bị suy giảm đáng kể. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset giảm từ +4 xuống -2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-3	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

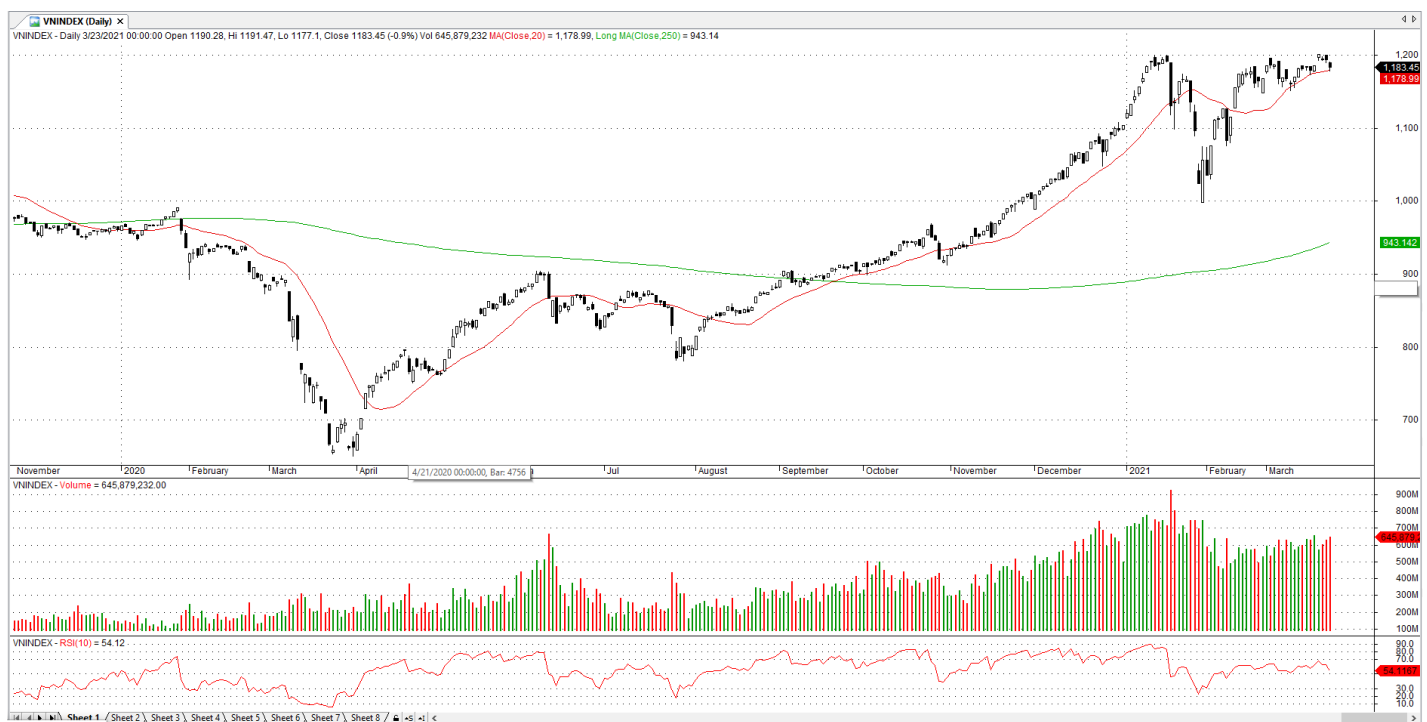
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/03/2021)	Kháng cự 1	<b>1.200</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.300</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.100</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.000</b>

VN-Index xuất hiện phiên điều chỉnh giảm, chạm ngưỡng hỗ trợ trong ngắn hạn MA 20 ngày.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

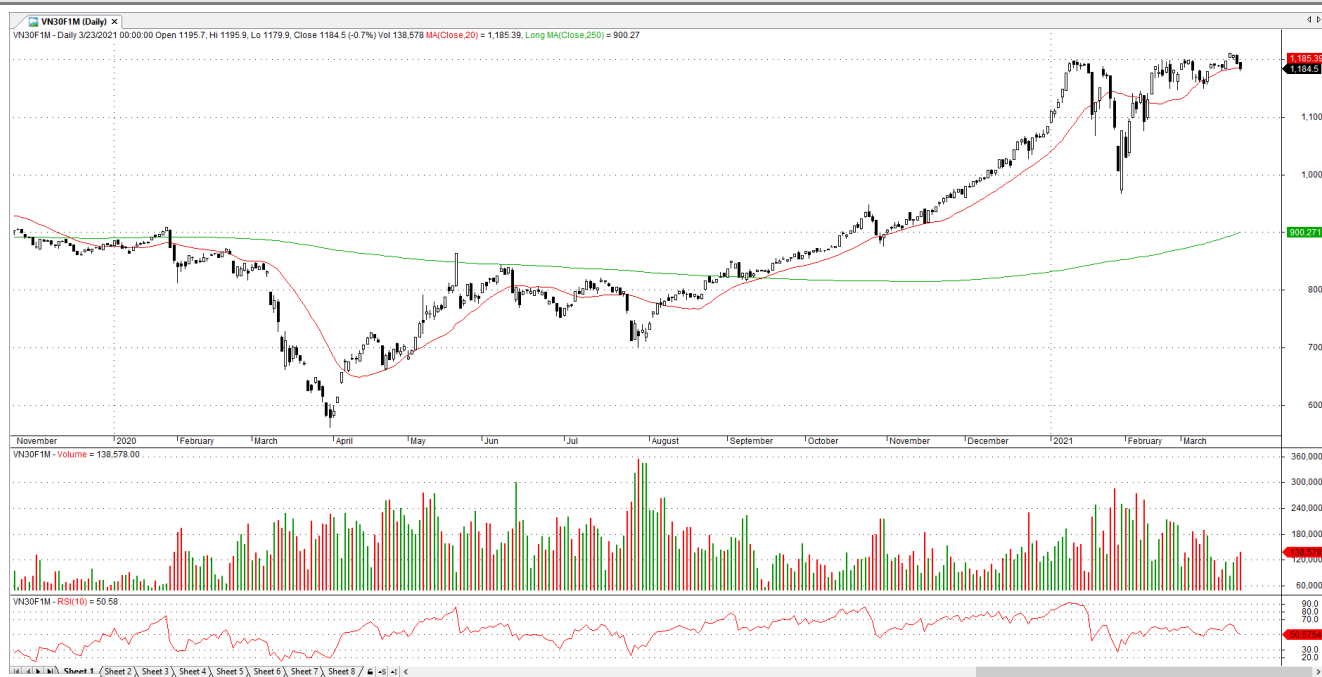
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/03/2021)	1.184,5	Kháng cự 1	<b>1.200</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.300</b>
VN30 – đóng cửa	1.186,9	Hỗ trợ 1	<b>1.100</b>
Chênh lệch VN30F1M & VN30	<b>-2,4</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.000</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M có phiên giao dịch tiêu cực khi các điểm số kỹ thuật trong ngày đều ở mức xấu.

## Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.35	3,596,305	-2	TRUNG TÍNH	3,626	11.8	1.0
ACB	33	10,502,405	-2	TRUNG TÍNH	71,331	9.3	2.0
ART	7.5	5,243,430	7	KHẢ QUAN	727	#N/A N/A	0.6
ASM	16.15	3,539,035	-3	TRUNG TÍNH	4,181	8.4	0.9
BCG	16.2	2,409,170	3	TRUNG TÍNH	3,296	11.0	1.5
BID	43.7	2,498,190	0	TRUNG TÍNH	175,762	25.1	2.3
BSR	16.7	16,754,155	-2	TRUNG TÍNH	51,778	18.6	1.5
BVH	61.7	788,215	6	KHẢ QUAN	45,801	29.6	2.3
CEO	12.2	5,097,235	-4	TIÊU CỰC	3,165	#N/A N/A	1.1
CII	24.2	2,730,080	6	KHẢ QUAN	5,780	23.5	1.2
CTD	75.9	902,580	-5	TIÊU CỰC	5,638	13.2	0.7
CTG	40.25	10,995,965	2	TRUNG TÍNH	150,798	11.0	1.8
CTR	98	525,590	-4	TIÊU CỰC	7,035	38.1	7.8
DBC	58.5	2,576,165	0	TRUNG TÍNH	6,129	4.3	1.5
DCM	17.4	4,906,155	0	TRUNG TÍNH	9,212	17.1	1.5
DGC	70	845,270	-4	TIÊU CỰC	10,414	12.2	2.7
DGW	120	366,135	-4	TIÊU CỰC	5,160	20.3	4.5
DIG	31.1	4,825,915	0	TRUNG TÍNH	9,795	14.9	2.0
DPM	19.6	3,071,530	0	TRUNG TÍNH	7,670	11.8	0.9
DRC	29.45	2,047,890	6	KHẢ QUAN	3,498	13.6	2.1
DXG	24	8,395,975	0	TRUNG TÍNH	12,413	#N/A N/A	2.0
FCN	14.45	3,749,990	-4	TIÊU CỰC	1,813	15.3	0.8
FLC	9.18	23,694,664	7	KHẢ QUAN	6,518	40.7	0.7
FPT	79.4	2,125,325	0	TRUNG TÍNH	61,772	17.4	3.9
FRT	30.85	1,879,255	5	KHẢ QUAN	2,437	98.6	2.0
GAS	91.8	904,110	-4	TIÊU CỰC	175,701	22.7	3.6
GEX	22.95	6,082,915	0	TRUNG TÍNH	11,061	13.8	1.6
GMD	34.2	2,366,410	6	KHẢ QUAN	10,307	30.2	1.7
GTN	23.75	1,606,385	-7	TIÊU CỰC	5,938	61.1	2.3
GVR	29.35	3,972,020	-4	TIÊU CỰC	117,400	27.4	2.5
HAG	5.23	7,137,930	4	KHẢ QUAN	4,850	#N/A N/A	0.8
HAH	25	1,867,175	-2	TRUNG TÍNH	1,185	9.1	1.1
HAP	17.25	2,837,200	5	KHẢ QUAN	957	23.6	1.3
HBC	18.6	7,488,275	-2	TRUNG TÍNH	4,283	57.5	1.2
HCM	31.45	4,319,365	-2	TRUNG TÍNH	9,594	18.1	2.2
HDB	26.5	4,583,770	-2	TRUNG TÍNH	42,235	9.9	1.8
HDC	44.55	1,167,525	-2	TRUNG TÍNH	2,963	12.8	2.6
HDG	46	1,915,570	-1	TRUNG TÍNH	7,097	7.3	2.2
HNG	11.85	10,018,065	0	TRUNG TÍNH	13,136	611.4	1.5
HPG	46.6	18,814,236	-4	TIÊU CỰC	154,399	11.5	2.6
HQC	3.05	16,861,280	0	TRUNG TÍNH	1,454	151.5	0.3
HSG	28.6	8,770,835	-2	TRUNG TÍNH	12,707	8.4	1.8
HUT	6.3	7,316,405	1	TRUNG TÍNH	1,692	#N/A N/A	0.6
HVN	32.6	1,750,505	2	TRUNG TÍNH	46,236	#N/A N/A	7.2
IDC	39.2	3,624,080	5	KHẢ QUAN	11,760	39.0	3.3
IJC	31.05	8,463,810	-2	TRUNG TÍNH	6,741	12.1	2.1
ITA	7.11	10,550,870	6	KHẢ QUAN	6,671	38.3	0.6
KBC	40.5	4,909,580	0	TRUNG TÍNH	19,025	111.4	2.0
KDC	51.8	1,244,905	0	TRUNG TÍNH	11,849	52.0	2.1
KDH	31.4	1,716,535	-2	TRUNG TÍNH	17,547	15.4	2.2
KSB	34.4	1,940,285	0	TRUNG TÍNH	2,292	8.1	1.5
LCG	15.4	5,660,585	-7	TIÊU CỰC	1,775	5.7	1.0

LDG	7.95	6,504,370	4	KHẢ QUAN	1,904	159.0	0.6
LPB	16.25	12,102,830	-2	TRUNG TÍNH	17,463	9.4	1.2
MBB	28.35	17,007,240	-2	TRUNG TÍNH	79,345	9.6	1.7
MBS	22.8	2,047,625	-6	TIÊU CỰC	3,747	13.9	1.8
MSN	86.5	1,088,915	-7	TIÊU CỰC	101,610	82.1	6.4
MWG	131	758,535	-6	TIÊU CỰC	61,062	15.1	3.8
NKG	22.45	6,645,440	-2	TRUNG TÍNH	3,879	13.3	1.2
NLG	34.9	1,526,540	-2	TRUNG TÍNH	9,607	11.2	1.6
NVB	14.6	5,851,040	-6	TIÊU CỰC	5,939	4,900.5	1.4
NVL	80	2,318,990	-6	TIÊU CỰC	85,116	20.1	3.1
OIL	14.6	2,934,595	-4	TIÊU CỰC	15,100	#N/A N/A	1.6
PDR	63.2	3,555,965	7	KHẢ QUAN	27,542	23.5	5.4
PET	23.6	2,885,405	0	TRUNG TÍNH	1,972	14.7	1.3
PHR	61.5	860,505	-4	TIÊU CỰC	8,333	7.7	2.6
PLX	57.2	3,531,370	-4	TIÊU CỰC	69,716	90.6	3.3
POW	13.2	17,096,336	-5	TIÊU CỰC	31,147	14.2	1.1
PVD	23.1	10,081,245	-7	TIÊU CỰC	9,728	81.2	0.7
PVM	25.2	2,151,700	-4	TIÊU CỰC	974	19.6	2.1
PVS	23.4	13,207,700	-5	TIÊU CỰC	11,184	17.2	0.9
PVT	17.65	4,555,470	-1	TRUNG TÍNH	5,712	9.0	1.2
REE	55.5	848,160	-2	TRUNG TÍNH	17,152	10.6	1.5
ROS	4.51	17,259,320	7	KHẢ QUAN	2,526	1,483.3	0.4
S99	25.3	1,967,645	-7	TIÊU CỰC	1,326	8.2	1.7
SBT	23.3	4,299,995	0	TRUNG TÍNH	14,380	24.6	1.8
SCR	8.86	4,376,010	-3	TRUNG TÍNH	3,228	18.1	0.7
SHB	18.6	32,878,616	2	TRUNG TÍNH	32,910	12.0	1.4
SHS	28.2	7,897,780	0	TRUNG TÍNH	5,845	7.7	1.8
SSI	32.9	11,132,775	-4	TIÊU CỰC	21,249	15.7	2.0
STB	19.15	22,532,490	-2	TRUNG TÍNH	33,909	12.6	1.2
SZC	40.6	944,600	-6	TIÊU CỰC	4,060	21.8	3.2
TCB	40.45	11,707,080	0	TRUNG TÍNH	141,773	11.5	1.9
TCH	22.65	4,848,200	2	TRUNG TÍNH	8,481	8.8	1.6
TDC	22.8	1,681,320	-5	TIÊU CỰC	2,280	13.2	1.8
TNG	23.8	2,729,710	-3	TRUNG TÍNH	1,893	11.3	1.5
TPB	28.3	4,765,870	-5	TIÊU CỰC	29,196	8.1	1.7
VCB	95.8	1,229,450	-2	TRUNG TÍNH	355,310	19.3	3.6
VCI	64.9	1,284,595	2	TRUNG TÍNH	10,747	13.9	2.4
VGJ	19.3	2,177,395	-4	TIÊU CỰC	9,650	34.3	1.6
VHC	40.45	1,239,215	-5	TIÊU CỰC	7,360	10.4	1.4
VHM	98.7	2,231,945	-6	TIÊU CỰC	324,675	11.7	3.8
VIC	106.5	1,239,125	2	TRUNG TÍNH	360,229	67.9	4.6
VIX	34.05	7,211,540	-7	TIÊU CỰC	4,349	13.2	2.5
VJC	131	595,295	-6	TIÊU CỰC	68,623	991.8	4.6
VND	29.55	5,284,495	2	TRUNG TÍNH	6,202	8.8	1.6
VNM	100.2	3,198,005	-7	TIÊU CỰC	209,414	21.0	6.7
VPB	44.5	5,247,410	-2	TRUNG TÍNH	109,236	10.4	2.1
VPI	34.9	1,390,710	-4	TIÊU CỰC	6,980	22.7	2.5
VRE	34.15	4,747,530	-4	TIÊU CỰC	77,600	32.6	2.6

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Mỹ cân nhắc kế hoạch kinh tế 3.000 tỷ USD

Nguồn tin của Bloomberg cho biết chính quyền Biden đang cân nhắc các chính sách có quy mô lên tới 3.000 tỷ USD, sau gói 1.900 tỷ USD đầu tháng. Đề xuất sẽ được trình lên Tổng thống Mỹ Joe Biden trong tuần này. Nguồn tin trên cho biết chương trình sẽ bao gồm các nỗ lực về cơ sở hạ tầng, biến đổi khí hậu. Chính quyền Biden cũng đang nhắm đến việc chi khoảng 400 tỷ USD cho môi trường. Kế hoạch còn đề cập đến đầu tư vào vốn nhân lực, với việc giảm học phí và các sáng kiến chăm sóc y tế cho nhóm thiểu số. Nguồn tin khác khẳng định với Bloomberg rằng sẽ còn có khoản dành cho chăm sóc người già, trẻ nhỏ. Không như chương trình cứu trợ khẩn cấp trong Covid-19, kế hoạch này dài hạn hơn và sẽ bao gồm nỗ lực tăng nguồn thu cho chính phủ. Trong đó, chính sách nâng thuế với doanh nghiệp và người giàu sẽ là trọng tâm. Đây có thể là đợt tăng thuế lớn nhất kể từ thập niên 90. Trước đó, Washington Post và New York Times đã đưa tin về chương trình 3.000 tỷ USD này. Gói này có khả năng chia làm 2 gói nhỏ để giảm rào cản tại Quốc hội. Các nghị sĩ đảng Cộng hòa lâu nay vẫn khẳng định sẽ không ủng hộ nâng thuế và chi mạnh tay cho năng lượng tái tạo.

### NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2021 là 12%

rao đối với Người Đồng Hành, ông Nguyễn Tuấn Anh, Vụ trưởng Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết đến 17/3, tín dụng tăng 1,2%, cả quý I ước tăng 2% so với cuối năm trước. Con số này cao hơn quý I/2020 quanh 0,68%. NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2021 là 12%. Trước đó, vị này cho biết NHNN đã xây dựng 3 kịch bản tăng trưởng tín dụng cho năm 2021. Ở kịch bản 1, việc tiêm chủng vắc xin đại trà và dịch Covid-19 được khống chế, tín dụng sẽ tăng 12-13%, có thể đạt 14%. Kịch bản 2, dịch kéo dài đến tháng 6, các biện pháp giãn cách xã hội vẫn được thực hiện, thời gian tiêm vắc xin kéo dài, tín dụng có thể tăng từ 10-12%. Kịch bản 3, dịch kéo dài đến hết năm, tăng trưởng khoảng 7 - 8%. Trong 3 kịch bản, cơ quan quản lý kỳ vọng tăng trưởng tín dụng kịch bản 1 nhưng kịch bản 2 có khả năng xảy ra, kịch bản 3 gần như không mong muốn xảy ra nhưng cần phải đưa ra. Vụ trưởng Tín dụng cho hay các ngân hàng đã được giao hạn mức tăng trưởng tín dụng cả năm đợt một. NHNN căn cứ vào quy mô, chất lượng tài sản của từng tổ chức tín dụng (TCTD), để xếp hạng A, B, C... và giao chỉ tiêu linh hoạt. Theo nguồn tin từ Người Đồng Hành, các ngân hàng quốc doanh gồm Agribank, BIDV, VietinBank được cấp "room" năm nay 6,5-7,5%, riêng Vietcombank được giao 10,5%. Một số ngân hàng TMCP như VIB, ACB, Sacombank là 8,5-9,5% và MB, VPBank, Techcombank là 10,5-12%. Nhìn chung, mặt bằng "room" tín dụng được NHNN cấp cho các TCTD thấp hơn so với năm trước.

### VHC: Doanh số xuất khẩu 2 tháng đầu năm đạt hơn 1.000 tỷ đồng, tăng 11%

Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC) thông báo doanh số xuất khẩu lũy kế 2 tháng đầu năm đạt 1.068 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thị trường Mỹ ghi nhận giảm nhẹ 1%, châu Âu tăng 21% và Trung Quốc tăng mạnh 173%. Xét về tỷ trọng, thị trường Mỹ vẫn đóng góp doanh số xuất khẩu lớn nhất cho Vĩnh Hoàn với 43%, tiếp theo là châu Âu với 16,6%. Xét về cơ cấu sản phẩm, cá tra ghi nhận mức tăng nhẹ 0,3% lên 744 tỷ đồng, sản phẩm phụ tăng 83% lên 163 tỷ đồng, sản phẩm cho sức khỏe 106 tỷ đồng tăng 30%, sản phẩm giá trị gia tăng đóng góp 22 tỷ đồng tăng 57% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 2, doanh thu xuất khẩu đạt 436 tỷ đồng, giảm đến 31% so với tháng 1 và giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các thị trường xuất khẩu của Vĩnh Hoàn đều giảm do ảnh hưởng kỳ nghỉ dài ngày Tết Nguyên đán.

### PNJ: tháng 2 ghi nhận doanh thu thuần 2.840 tỷ đồng

Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo tháng 2 ghi nhận doanh thu thuần 2.840 tỷ đồng, tăng 40,7% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế 212 tỷ đồng, tăng 19%. Lũy kế 2 tháng, doanh nghiệp đạt doanh thu 5.010 tỷ đồng, tăng 37,4%; lãi sau thuế 380 tỷ đồng, tăng 11,2%. PNJ kỳ giải doanh thu và lợi nhuận tăng chủ yếu đến từ mảng lẻ và vàng miếng. Trong đó, doanh thu kênh bán lẻ tăng 16% cùng kỳ năm trước nhờ có nhiều sản phẩm và hoạt động marketing hướng đến khách hàng dành riêng cho dịp valentine và ngày thần tài. Riêng tháng 2, doanh số của PNJ đạt mức tăng trưởng 39,3% đối với trang sức cho dịp lễ thần tài (8-10 âm lịch) so với lễ thần tài năm 2020. Tỷ trọng kênh bán lẻ đạt 52%. Doanh thu vàng miếng tăng 94%, riêng dịp lễ thần tài 2021 đạt mức tăng 73% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng doanh thu vàng miếng tăng lên mức 31,5% trong cơ cấu doanh thu. Ngoài ra, doanh thu bán sỉ cũng ghi nhận mức tăng 17,1% với tỷ trọng 12%. Biên lợi nhuận 2 tháng đầu năm đạt 18,4%, giảm so với mức 22% của cùng kỳ năm trước do tỷ trọng doanh thu vàng miếng gia tăng. Trong tháng 2, PNJ đã nâng cấp một số cửa hàng PNJ Silver thành PNJ Gold. Số lượng cửa hàng tại thời điểm cuối tháng 2 là 341, bao gồm 307 cửa hàng gold, 27 cửa hàng silver, 3 cửa hàng CAO, 3 cửa hàng PNJ art, 1 cửa hàng style và 60 cửa hàng watch.

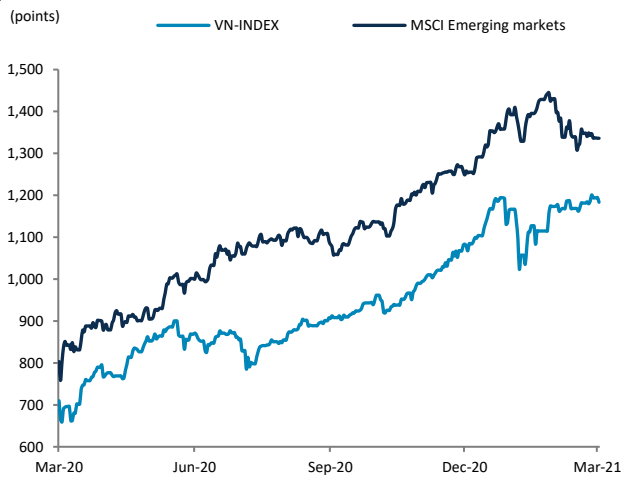
**DNP: đăng ký mua 19 triệu cổ phiếu công ty CMC**

Nhựa Đồng Nai (HNX: DNP) vừa thông báo đăng ký mua 19 triệu cổ phiếu công ty CMC (HoSE: CVT), tương đương với 51,78% cổ phần. Hiện Nhựa Đồng Nai chưa sở hữu cổ phiếu CVT trước giao dịch. Thời gian thực hiện từ ngày 25/3 đến 23/4. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/3 vừa qua, cổ đông cũng đã thông qua việc cho phép Nhựa Đồng Nai được mua trên 25% cổ phần CVT mà không phải chào mua công khai.

**TEG: Lãi ròng năm 2020 tăng mạnh hậu kiểm toán**

So với lãi ròng ghi nhận tại báo cáo tự lập chỉ hơn 900 triệu đồng, CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (HOSE: TEG) đã có cơ sở để nhận thêm 7 tỷ đồng lãi ròng sau khi kiểm toán. Theo TEG giải trình, tại thời điểm công bố BCTC quý 4/2020, Công ty chưa thực hiện hạch toán tăng lợi nhuận từ chuyển nhượng dự án tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long cho CTCP Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành. Đây là giao dịch nội bộ nên lãi bị loại trừ lãi năm 2018 trên BCTC hợp nhất

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



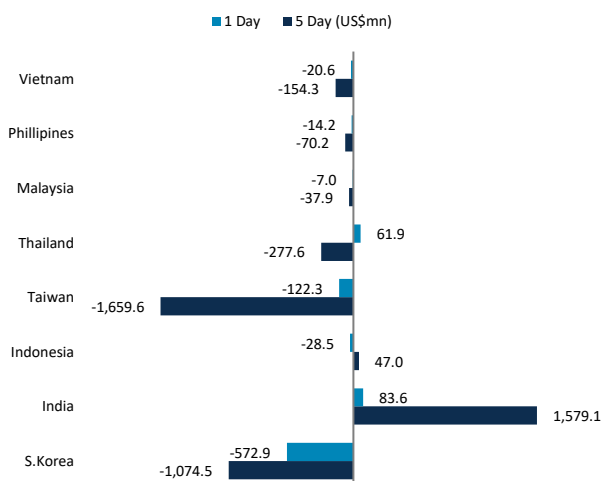
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



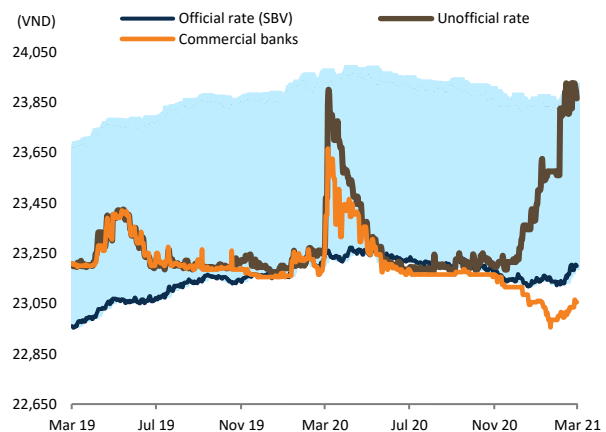
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



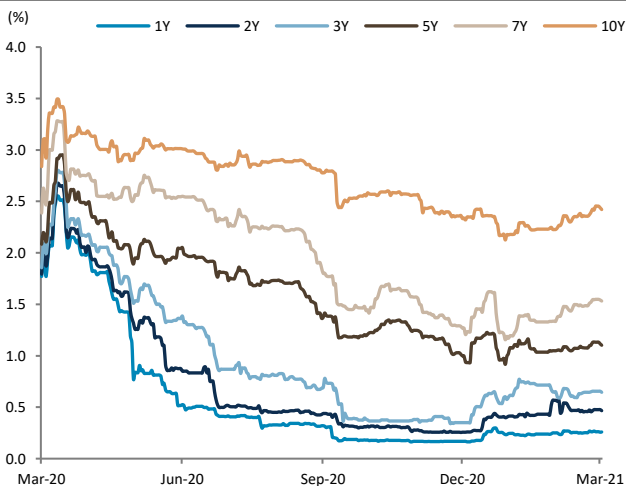
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



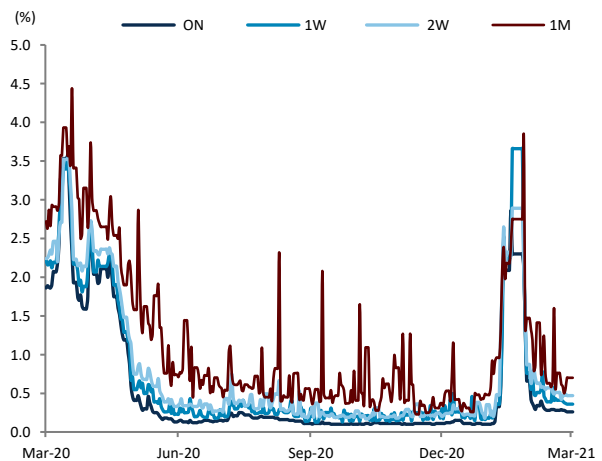
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,186.98</b>	<b>3,096,102</b>		<b>-1.0</b>	<b>-0.1</b>	<b>0.4</b>	<b>87.6</b>	<b>15.3</b>	<b>12.9</b>	<b>2.6</b>	<b>2.3</b>	<b>18.5</b>	<b>17.6</b>	<b>19.2</b>	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,700	175,762	17.1	-2.1	3.1	-0.7	41.9	17.8	12.3	1.9	1.6	45.2	12.4	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,700	45,801	27.7	-0.8	3.5	2.0	91.0	28.1	22.5	2.2	2.0	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	40,500	150,798	27.9	-1.5	7.4	9.3	119.5	9.1	8.4	1.5	1.4	7.6	18.1	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	78,800	61,772	49.0	0.1	-2.7	4.4	104.1	15.7	13.3	3.4	3.0	18.1	24.6	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,800	175,701	2.8	1.4	1.7	2.7	70.3	17.2	16.8	3.3	3.1	2.4	19.9	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,500	42,235	16.9	-1.7	-1.1	2.1	124.8	7.7	6.8	NA	NA	13.1	18.9	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,600	154,399	30.3	-0.3	1.1	7.6	223.2	9.2	8.3	2.1	1.7	11.4	25.4	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,400	17,547	34.9	-1.9	0.5	-6.3	73.5	14.4	10.9	2.0	1.7	31.8	15.2	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,350	79,345	23.1	-1.0	-1.0	3.5	120.8	7.8	6.5	1.4	1.2	19.2	19.9	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	86,500	101,610	32.2	-1.8	-1.7	-6.7	75.8	40.5	22.3	5.0	4.0	81.9	14.6	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	131,000	61,062	49.0	-0.7	-1.7	-3.8	82.5	12.3	9.5	3.0	2.6	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,000	85,116	6.5	-1.0	-1.1	-1.0	55.6	21.2	19.7	2.6	2.2	7.7	10.6	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	63,200	27,542	1.5	3.0	3.6	8.6	236.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	57,200	69,716	16.5	2.1	-1.0	0.7	51.3	21.5	17.5	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,200	19,144	49.0	0.0	0.8	0.8	64.5	15.4	12.2	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,300	31,147	5.1	-1.8	-2.2	3.5	69.0	14.3	12.6	1.0	1.0	13.0	7.5	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,500	17,152	49.0	-1.8	3.0	-1.6	100.0	9.6	8.0	1.4	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	23,300	14,380	7.9	-0.9	-1.7	3.6	70.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,900	21,249	42.5	-1.5	0.6	-2.1	195.8	13.8	13.7	NA	NA	0.5	12.5	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,800	33,909	9.2	-2.1	-0.5	0.0	106.1	13.0	7.8	1.1	1.0	66.0	9.5	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,450	141,773	22.5	-2.1	1.5	1.6	150.5	9.6	8.3	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,650	8,481	5.5	-2.4	-4.0	-1.5	15.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,300	29,196	30.0	-1.7	-0.7	1.3	62.3	7.5	5.4	1.4	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,800	355,310	23.5	-1.2	0.1	-4.2	67.5	17.0	13.6	3.0	2.6	24.7	20.4	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	98,700	324,675	22.3	-0.6	-0.8	-6.3	66.2	10.5	8.8	2.8	2.2	19.8	30.3	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	106,500	360,229	14.0	-0.7	1.0	-3.2	38.7	46.6	34.9	3.8	3.4	33.5	8.7	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	131,000	68,623	19.3	-1.3	-2.7	-2.2	36.7	63.4	22.4	4.2	3.3	182.7	7.6	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	100,200	209,414	56.5	-0.6	-0.8	-6.4	43.7	19.6	17.8	6.1	5.5	10.0	35.2	35.6	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,500	109,236	23.4	-0.9	0.3	9.9	127.0	9.1	7.6	1.7	1.4	19.0	19.9	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,150	77,600	30.8	-1.3	-1.9	-0.7	79.7	26.8	21.4	2.5	2.2	25.6	9.5	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
<b>VN-Index</b>	<b>-10.98</b>	<b>4,464,936</b>	<b>-0.9</b>	<b>0.3</b>	<b>0.5</b>	<b>77.5</b>	<b>18.2</b>	<b>15.0</b>	<b>2.5</b>	<b>2.4</b>	<b>22.0</b>	<b>13.7</b>	<b>17.7</b>	
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,617	-0.4	2.3	7.1	68.9	6.0	5.6	1.1	1.0	24.2	10.8	10.5	
Ngân hàng	-5.48	1,329,146	-1.5	-2.3	2.8	79.1	12.6	10.2	1.9	1.6	19.2	18.0	18.5	
Xây dựng cơ bản	-0.70	176,166	-1.4	-0.3	3.2	114.3	5.4	4.6	0.4	0.3	NA	5.6	5.6	
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,711	-0.7	-0.2	2.3	44.7	6.7	5.3	NA	NA	-29.6	11.1	13.0	
May mặc và trang sức	0.01	38,259	0.2	0.0	7.3	181.8	11.6	9.4	2.3	1.8	-6.2	18.1	18.0	
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,144	-0.7	-0.3	5.9	43.7	13.8	4.8	NA	NA	NA	3.7	9.7	
Dịch vụ tài chính	-0.41	70,347	-2.1	-1.9	6.1	170.8	8.6	3.9	NA	NA	47.7	9.1	3.7	
Năng lượng	0.33	88,399	1.5	-1.2	0.4	72.0	21.2	16.6	2.5	2.5	-63.7	13.7	14.9	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.35	537,160	-0.9	-2.1	-4.0	61.4	21.1	15.8	4.5	3.9	-13.8	22.6	23.7	
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	980	-0.5	0.7	11.6	62.6	NA	NA	NA	NA	-38.6	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	0.02	12,358	0.6	-5.1	16.7	6.7	7.3	6.4	NA	NA	51.3	24.2	24.3	
Bảo hiểm	-0.11	52,727	-0.8	1.4	2.2	83.6	25.1	20.1	1.9	1.8	28.7	7.6	8.7	
Nguyên vật liệu	-0.51	385,470	-0.5	-1.2	6.2	210.6	14.1	13.9	1.8	0.9	62.0	15.8	14.5	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,242	1.3	0.0	-2.6	-18.7	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	0.00	35,399	0.0	-0.6	2.1	43.2	NA	NA	NA	NA	11.8	NA	NA	
Bất động sản	-2.23	1,072,673	-0.8	-0.7	-2.8	66.1	9.2	8.2	1.7	1.6	-33.0	9.7	9.8	
Bán lẻ	-0.12	69,527	-0.6	-1.7	-3.0	83.4	23.2	18.0	2.6	2.2	-3.2	14.6	15.1	
Phần mềm và dịch vụ	0.00	66,236	0.0	-2.7	4.9	103.8	11.5	9.0	2.7	2.2	10.1	25.2	26.0	
Thiết bị và phần cứng	-0.06	5,160	-4.3	-2.8	26.3	561.2	14.7	12.4	3.2	2.8	48.6	22.9	24.0	
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,166	1.6	-2.2	-6.8	275.0	13.7	11.1	3.5	2.8	14.2	27.1	26.8	
Vận tải	-0.72	178,350	-1.5	-0.3	4.0	61.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	0.41	264,387	0.6	-0.5	2.4	61.2	27.3	10.6	5.1	4.1	-28.9	-20.0	10.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	91,800	1.44	563,500	0.66
PLX VN	57,200	2.14	1,753,800	0.39
PDR VN	63,200	2.99	3,540,800	0.21
FLC VN	9,180	6.99	45,073,300	0.11
HT1 VN	19,250	3.49	4,132,000	0.07
VGC VN	34,500	1.47	219,300	0.06
DCM VN	17,400	2.05	3,727,300	0.05
ITA VN	7,110	2.30	16,078,200	0.04
CVT VN	51,200	6.89	84,500	0.03
HRC VN	66,000	6.28	1,000	0.03

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	95,800	-1.24	940,800	-1.19
BID VN	43,700	-2.13	4,549,300	-1.02
TCB VN	40,450	-2.06	12,997,700	-0.79
VIC VN	106,500	-0.75	1,034,700	-0.72
CTG VN	40,500	-1.46	14,649,900	-0.60
VHM VN	98,700	-0.60	1,319,900	-0.53
MSN VN	86,500	-1.82	1,022,900	-0.50
GVR VN	29,350	-1.18	4,188,700	-0.37
HVN VN	32,600	-2.69	2,279,800	-0.34
VNM VN	100,200	-0.60	4,554,300	-0.33

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.